TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/DS- ST
Ngày 16 tháng 9 năm 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành và ông Nguyễn Anh Tiến.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Bà Khổng Thị Phú Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại hội trường xét xử, Toà án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc "V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST - DS ngày 21 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

1, Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1).

Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- Chủ tịch Hội đồng quản trị V1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng B - Trưởng phòng xử lý nợ phản ứng nhanh khách hàng cá nhân miền Bắc-Trung tâm thu hồi nợ KHCN (Văn bản ủy quyền số 62/2023/UQN-CTQT ngày 02/8/2023).

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Việt H, ông Trần Tuấn K, ông Phùng Văn H1 - Chuyên viên xử lý nợ - Phòng XLN PUNKHCN MB (Theo văn bản ủy quyền số 16/2024/UQ-KHCN ngày 24/5/2024) (có mặt ông H1).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 và ông Trần Phan T1, sinh năm 1989 (có mặt bà T, vắng mặt ông T1).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 5 năm 2024, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phùng Văn H1 trình bày:

Ngày 20/7/2023 Ngân hàng TMCP V (V1)- chi nhánh T2 (gọi tắt là Ngân hàng) đã cho bà Nguyễn Thị T và ông Trần Phan T1 vay vốn để trả tiền mua xe ô tô nhãn hiệu FORD, Everest Titanium theo hợp đồng tín dụng số: LN 2307189756432. Theo hợp đồng tín dụng này thì Ngân hàng cho bà T, ông T1 vay vốn hạn mức tối đa là 977.000.000 đồng (Chín trăm bảy mươi bảy triệu đồng), thời hạn cho vay là 60 tháng, mục đích sử dụng tiền vay là trả tiền mua xe ô tô, lãi suất cho vay khi nhận nợ là 13,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150%/lãi suất trong hạn. Lãi suất năm đầu cố định từ năm thứ 2 điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần. Hạn trả gốc cuối cùng là ngày 20/7/2028. Trả lãi vào ngày 01 hàng tháng.

Để đảm bảo khoản vay trên bà T, ông T1 đã thế chấp tài sản tại hợp đồng thế chấp số LN 2307189756432 ngày 20/7/2023. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD, Everest, T, AT 4x4, biển kiểm soát 88A- 600.51, nơi cấp: Công an huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, cấp ngày 20/7/2023 mang tên bà Nguyễn Thị T. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 25/7/2023 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

Thực hiện hợp đồng tín dụng trên Ngân hàng đã giải ngân cho bà T, ông T1 vay tiền thể hiện tại giấy đề nghị giải ngân ngày 20/7/2023 bà T đã nhận đủ số tiền được vay là 977.000.000 đồng (Chín trăm bảy mươi bảy triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng là Công ty cổ phần Đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà T mới trả cho ngân hàng được 158.233.256 đồng, trong đó tiền gốc là 97.704.001 đồng và tiền lãi là 60.529.255 đồng. Bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng kể ngày 15/02/2024, toàn bộ khoản vay đã phải chuyển quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Đến nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà T, ông T1 phải trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng tính đến hết ngày 16/9/2024, là: 975.935.010 đồng (trong đó nợ gốc là 879.295.999 đồng; nợ lãi và lãi phạt chậm trả là 96.639.011 đồng và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 17/9/2024 của hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng và đề nghị xử lý tài sản thế chấp của bà T, ông T1 trong trường hợp bà T, ông T1 không trả được nợ cho Ngân hàng. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì bà T, ông T1 vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thi hành xong các khoản nợ gốc, nợ lãi của Hợp đồng tín dụng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Vợ chồng bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án nhưng do bận công việc nên ông T1 không đến Tòa án làm việc. Ngày 20/7/2023 bà có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP V - chi nhánh T2, Hợp đồng tín dụng số: LN 2307189756432. Theo hợp đồng tín dụng này thì Ngân hàng cho vợ chồng bà vay vốn hạn mức tối đa là

977.000.000 đồng (Chín trăm bảy mươi bảy triệu đồng), thời hạn cho vay là 60 tháng, mục đích sử dụng tiền vay là trả tiền mua xe ô tô, nhãn hiệu FORD, E, T, AT 4x4, biển kiểm soát 88A- 600.51, nơi cấp: Công an huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, cấp ngày 20/7/2023 mang tên bà Nguyễn Thị T. Lãi suất cho vay khi nhận nợ là 13,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150%/lãi suất trong hạn. Hạn trả gốc ngày 20/7/2028. Trả lãi vào ngày 01 hàng tháng.

Để đảm bảo khoản vay trên vợ chồng bà đã thế chấp tài sản tại hợp đồng thế chấp tài sản số LN 2307189756432 ngày 20/7/2023. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD, Everest, T, AT 4x4 biển kiểm soát 88A- 60051, nơi cấp: Công an huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, cấp ngày 20/7/2023 mang tên bà Nguyễn Thị T. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 25/7/2023 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

Thực hiện hợp đồng tín dụng trên Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng bà vay tiền thể hiện tại giấy đề nghị giải ngân ngày 20/7/2023 bà T đã nhận đủ số tiền được vay là 977.000.000 đồng (Chín trăm bảy mươi bảy triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng là Công ty cổ phần Đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng vợ chồng bà mới trả cho ngân hàng 158.233.256 đồng, trong đó tiền gốc là 97.704.001 đồng và tiền lãi là 60.529.255 đồng như đại diện ngân hàng trình bày là đúng. Đến nay Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà phải trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng tính đến hết ngày 16/9/2024 là: 975.935.010 đồng (trong đó nợ gốc là 879.295.999 đồng; nợ lãi và lãi phạt chậm trả là 96.639.011 đồng và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 17/9/2024 của hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng và đề nghị xử lý tài sản thế chấp của vợ chồng bà trong trường hợp vợ chồng bà không trả được nợ cho Ngân hàng. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì vợ chồng bà vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thi hành xong các khoản nợ gốc, nợ lãi của hợp đồng tín dụng, vợ chồng bà hoàn toàn nhất trí, nhưng do hiện nay việc làm ăn của vợ chồng bà đang gặp khó khăn, chồng bà đi làm xa không về được và cũng không mang xe ô tô là tài sản thế chấp về để Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ được. Bà T đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng bà trả nợ dần trong thời hạn 02 năm, trả gốc trước, trả lãi sau và đề nghị Ngân hàng xem xét cho miễn giảm tiền lãi. Trương hợp không trả được nợ Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp bà nhất trí. Đối với tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD, hiện nay chồng bà đang sử dụng và đi làm tại tỉnh Cao Bằng, địa chỉ cụ thể bà không rõ. Do mưa bão nên chồng bà không mang xe ô tô đến trụ sở Tòa án để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ được.

Đối với ông Trần Phan T1, Tòa án báo gọi nhiều lần và yêu cầu ông T1 mang xe ô tô về để Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ nhưng ông T1

không về nên không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp tại ngân hàng được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ, bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Về án phí bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ngân hàng TMCP V (V1) khởi kiện bà Nguyễn Thị T và ông Trần Phan T1 bị đơn có địa chỉ tại xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc trả nợ số tiền vay còn nợ của hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 20/7/2023 bà T ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà T, ông T1 không trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Do bà T, ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T, ông T1 trả nợ tiền gốc, tiền lãi của hợp đồng tín dụng, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Trần Phan T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Quan hệ vay tài sản giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (V1) với bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Trần Phan T1 phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Do bị đơn vi phạm thỏa thuận nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T, ông T1 trả nợ số tiền gốc, tiền lãi của Hợp đồng tín dụng. Vì vậy, pháp luật được áp dụng để giải quyết trong vụ án là Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Ngày 20/7/2023, bà Nguyễn Thị T ký hợp đồng tín dụng số LN 2307189756432 với Ngân hàng. Theo hợp đồng tín dụng này thì Ngân

hàng cho bà T, ông T1 vay số tiền 977.000.000 đồng (Chín trăm bảy mươi bảy triệu đồng), thời hạn cho vay là 60 tháng, mục đích sử dụng tiền vay là trả tiền mua xe ô tô. Lãi suất cho vay khi nhận nợ là 13,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150%/lãi suất trong hạn. Hạn trả gốc ngày 20/7/2028. Trả lãi vào ngày 01 hàng tháng. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD, Everest, T, AT 4x4 biển kiểm soát 88A- 60051, nơi cấp: Công an huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, cấp ngày 20/7/2023 mang tên bà Nguyễn Thị T. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 25/7/2023 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng. Thực hiện hợp đồng tín dụng trên Ngân hàng đã giải ngân cho bà T, ông T1 vay đủ số tiền theo hợp đồng, quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà T, ông T1 đã trả cho ngân hàng được tiền gốc và tiền lãi là 158.233.256 đồng, trong đó tiền gốc là 97.704.001 đồng và tiền lãi là 60.529.255 đồng. Kể từ ngày 15/02/2024 bà T, ông T1 không trả được tiền gốc và tiền lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng, toàn bộ khoản vay đã phải chuyển quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng bà T, ông T1 vẫn không trả được tiền gốc theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng. Bà T đã vi phạm điều 10 của hợp đồng tín dụng. Tính đến hết ngày 16/9/2024 bà T, ông T1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 975.935.010 đồng (trong đó nợ gốc là 879.295.999 đồng; nợ lãi và lãi phạt chậm trả là 96.639.011 đồng. Do bà T, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T, ông T1 phải trả tiền gốc và tiền lãi của hợp đồng tín dụng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 91 và Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sử đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu này của Ngân hàng. Tại phiên tòa bà T và đại diện ngân hàng thỏa thuận tiền lãi trên số nợ gốc kể từ ngày 17/9/2024 là 19,5%/ năm sự thỏa thuận này phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Xét hợp đồng thế chấp số LN 2307189756432 ngày 20/7/2023. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD, Everest, T, AT 4x4, biển kiểm soát 88A-600.51, nơi cấp: Công an huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, cấp ngày 20/7/2023 mang tên bà Nguyễn Thị T. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 25/7/2023 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng. Khi thế chấp ông T1, bà T tự nguyện dùng tài sản của mình để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 25/7/2023 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng có hiệu lực thi hành theo quy định. Như vậy nếu bà T, ông T1 không trả được nợ cho Ngân hàng thì tài sản đã thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD, Everest, T, AT 4x4, biển kiểm soát 88A- 600.51, mang tên bà Nguyễn Thị

T sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định tại các điều khoản của hợp đồng thế chấp tài sản. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì bà T, ông T1 vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thi hành xong các khoản nợ gốc, nợ lãi của Hợp đồng tín dụng.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật là 36.000.000 đồng + (175.935.011 đồng x 3%) = 41.278.000 đồng), hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về chi phí tố tụng tại phiên tòa đại diện ngân hàng và bị đơn tự thỏa thuận với nhau không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017; Các Điều 280, 292,, 293, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1) đối với bà Nguyễn Thị T và ông Trần Phan T1.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Trần Phan T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V (V1) tính đến hết ngày 16/9/2024 theo hợp đồng tín dụng số LN 2307189756432 ngày 20/7/2023 với tổng số tiền là 975.935.010 đồng (trong đó nợ gốc là 879.295.999 đồng đồng; nợ lãi và lãi chậm trả là 96.639.011 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử ngày 17/9/2024 cho đến khi thi hành xong bà Nguyễn Thị T và ông Trần Phan T1 còn phải chịu khoản lãi của số tiền gốc là 879.295.999 đồng theo mức lãi suất 19,5%/ năm.

Trường hợp bà T, ông T1 không thanh toán trả tiền cho Ngân hàng TMCP V (V1) thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LN 2307189756432 ngày 20/7/2023. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD, Everest, T, AT 4x4 biển kiểm soát 88A- 600.51, nơi cấp: Công an huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, cấp ngày 20/7/2023 mang tên bà Nguyễn Thị T.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán khoản nợ thì bà T, ông T1 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ của hợp đồng tín dụng.

2**.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Phan T1 phải chịu 41.278.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP V (V1) không phải chịu án phí. Hoàn trả Ngân hàng TMCP V (V1) 20.800.000 đồng (Hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0000382 ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THA dân sự huyện Lập Thạch;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Sinh